TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦNGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/DS-PT.
Ngày 22/4/2020.
"*V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu.

Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hương Mai-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang***: Ông Nguyễn Đức Sơn-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/02 và ngày 22/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2019/TLPT- DS về việc "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số:10/2019/DS-ST ngày 29/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Lục Ng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐ-PT ngày07/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐ-PT ngày 17/01/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2020/QĐ- PT ngày 21/02/2020, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 20/3/2010, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn*: - Bà Lãnh Thị M, sinh năm 1970 (có mặt).

- Ông Lê Hữu L, sinh năm 1962 (có mặt).

Đều trú tại: Thôn Cẩm Đàn, xã Cẩm Đ, huyện Sơn Đ, tỉnh Bắc Giang.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lãnh Thị M:*

- Ông Hoàng Trọng Nghĩa- Trợ giúp viên pháp lí của Trung tâm trợ giúp pháp lí Nhà nước tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Ông Nguyễn Đình Điển- Luật sư thuộc văn phòng luật sư Kim Vĩnh An-Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

***** *Bị đơn***:** Bà Lãnh Thị H, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lãnh Thị H: Bà Hoàng Thị Bích Loan- Văn phòng luật sư Hoàng Loan- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

UBND huyện Lục Ngan do ông Phạm Hồng L1- Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Lục Ng đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

** Người làm chứng:*

1. Ông Khuất Văn M, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Lãnh Thị Th, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Thân Thị Y, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang.

** Người kháng cáo*: bà Lãnh Thị M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Lãnh Thị M trình bày: Năm 1993, bà có khai hoang một thửa đất rừng tại Núi To, thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng. Năm 1994, bà đứng tên ký nhận thửa đất rừng trên theo dự án 327. Ngày 10/9/1997 bà được Hạt kiểm lâm giao đất rừng tại lô i3, khoảnh 2 diện tích 02ha theo Nghị định 02/CP. Năm 1998, bà được tài trợ toàn bộ phân, cây giống để trồng diện tích rừng đã được giao trên theo dự án Việt Đức. Ngày 12 tháng 10 năm 1999 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Lãnh Thị Msố sổ P654067 cấp ngày 12/10/1999 có diện tích là 20.000m^2 tại lô i3, khoảnh 2 với mục đích sử dụng là rừng tái sinh. Nhưng năm 1998 khi dự án Việt Đức cấp cây giống và phân để trồng rừng thì do nhà neo người và nể tình chị em nên bà có cho bà Lãnh Thị H là em họ mượn phần đất có diện tích khoảng 6.700 m^2 để trồng số cây thông và keo, bà được dự án Việt Đức giao cho, khi cho mượn hai bên không làm giấy tờ gì, nhưng có hẹn thời gian cho mượn kết thúc là khi có chủ trương khai thác chung của nhà nước vào năm 2015. Nhưng cho đến nay, bà H vẫn không khai thác và cũng không trả lại đất cho gia đình bà mặc dù bà đã đòi nhiều lần.

Nay cơ quan chuyên môn về thẩm định, xác định 480 cây thông có đường kính gốc 13cm - 20 cm, 30 cây keo có đường kính 13cm - 20cm, 40 cây vải có đường kính tán lá 2,5m đến 3m do chị Hường trồng nằm hoàn toàn trong sơ đồ nhà nước đã cấp đất lâm nghiệp cho bà và có diện tích là 6512m^2. Nên bà và chồng bà Lê Hữu Lđồng ý theo kết quả cơ quan chuyên môn đã xác định, bà đề nghị toà án nhân dân huyện Lục Ng giải quyết buộc bà Lãnh Thị H phải trả cho vợ chồng bà diện tích đất rừng là 6512 m^2 như cơ quan chuyên môn xác định. Do cây thông và keo đã đến kỳ thu hoạch nên bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H thu hoạch 480 cây thông có đường kính gốc 13 cm đến 20 cm có giá trị 42.240.000 đồng, 30 cây

keo có đường kính gốc 13 cm đến 20 cm có giá trị 2.640.000 đồng và di dời 40 cây vải có đường kính tán lá 2,5m đến 3m có giá trị 12.000.000 đồngđã trồng trên tích đất rừng có diện tích là 6512 m^2 tại khu Núi To, thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang mà bà H đã lấn chiếm của gia đình bà có giá trị 45.584.000 đồng (Bốn mươi năm triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Về chi phí thẩm định, định giá và chi phí trích đo, bà xác định bà đã có đơn đề nghị thẩm định, định giá thì bà nhận chịu chi phí.

Về số cây vải bà H đã trồng trên đất của bà, do cây đã to nên bà nhận sử dụng số cây vải và trả cho bà H giá trị 40 cây vải trên đất là 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng chẵn).

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Hữu L trình bày:

Ông có quan hệ là chồng của bà Lãnh Thị M. Năm 1993, bà M có khai hoang một thửa đất rừng tại Núi To, thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng. Năm 1994, bà M đứng tên ký nhận thửa đất rừng trên theo dự án 327. Lúc này bà M chưa có giấy đăng kí quyền sử dụng đất. Tháng 10 năm 1999 bà M được cấpgiấy đăng kí quyền sử dụng đất đứng tên Lãnh Thị Mso sổ P654067 cấp ngày 12/10/1999 có diện tích là 20.000 m^2 tại lô i3, khoảnh 2 với mục đích sử dụng là rừng tái sinh. Năm 1998 khi có dự án trồng rừng Việt Đức do nhà neo người nên bà M có cho bà Lãnh Thị H là em họ mượn đấtcó diện tích là 6.700 m^2 để trồng cây thông và keo. Thời gian cho mượn kết thúc là khi có chủ trương khai thác chung của nhà nước là vào năm 2015. Nhưng cho đến nay bà H vẫn không khai thác và cũng không trả lại đất cho gia đình ông mặc dù gia đình ông đã đòi nhiều lần. Nay cơ quan chuyên môn về thẩm định, xác định 480 cây thông có đường kính gốc 13cm - 20 cm, 30 cây keo có đường kính 13cm - 20cm, 40 cây vải có đường kính tán lá 2,5m đến 3m do bà H trồng nằm hoàn toàn trong sơ đồ nhà nước đã đất lâm nghiệp cho gia đình ông và có diện tích là 6512m^2. Nên ông đồng ý theo kết quả cơ quan chuyên môn đã xác định, ông đề nghị toà án nhân dân huyện Lục Ng giải quyết buộc bà Lãnh Thị H phải trả cho vợ chồng ông diện tích đất rừng là 6512 m^2 như cơ quan chuyên môn xác định. Do ông bận công việc không thể đến Tòa theo như giấy báo được nên ông xin vắng mặt và hoàn toàn nhất trí với ý kiến của vợ ông là bà Lãnh Thị Mtrình bày tại Tòa án.

Tại bản tự khai, những lời khai tiếp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lãnh Thị H trình bày:

Năm 1993, nhà nước có dự án phủ xanh đất trống đồi trọc thì bà, bà Lãnh Thị Th, bà Lãnh Thị Mvà gia đình ông Khuất Văn M (đều ở cùng thôn Thảo, xã Biển Đ), cùng rủ nhau đi khai hoang thửa đất tại Núi To, thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng và thống nhất gia đình nào khai phá được diện tích bằng nào thì sử dụng bằng ấy. Thời gian đầu, gia đình bà trồng bạch đàn lá nhỏ ở phía trên đồi, sau đó do tỉ lệ sống quá ít nên vào năm 1997, 1998 một số hộ được giao cây giống (thông,

keo) để trồng rừng theo dự án Việt Đức thì bà có xin giống của một số hộ liền kề để trồng thông, keo xen vào. Ở phía dưới đồi, gia đình bà chuyển sang trồng cây vải thiều và vẫn được chăm sóc thu hoạch từ khoảng năm 1993, năm 1994 đến nay.

Nay ông Lê Hữu Lâm, bà Lãnh Thị Mcó đơn khởi kiện gửi đến toà án nhân dân huyện Lục Ng yêu cầu bà phải trả cho ông Lâm, bà M diện tích 6700 m^2 đất rừng và thu hoạch cây thông, keo, cây vải đã trồng trên đất tại khu Núi To, thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang thì bà không đồng ý vì thửa đất này hoàn toàn do bà khai hoang, sử dụng. Bà cũng không bao giờ tiếp xúc với gia đình bà Lãnh Thị M. Bà M sau khi lấy ông Lâm, đã chuyển đi sinh sống ở trên xã Cẩm Đ, huyện Sơn Đ, tỉnh Bắc Giang rất ít khi về nhà, chỉ đến khoảng tháng 5 năm 2017, bà được Ban hoà giải của thôn Thảo, rồi của xã Biển Đ gọi ra Hội trường thôn để hoà giải. Trong quá trình hoà giải, bà M và ông Lcó cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lãnh Thị Mđược cấp ngày 12/10/1999, số sổ P654067 có diện tích 20000 m^2 tại lô i3, khoảnh 2 với mục đích sử dụng là rừng tái sinh và thửa đất mà bà khai hoang nằm trong diện tích 20000 m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà M. Bà không biết việc thửa đất của bà đang canh tác nằm trong diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lãnh Thị M. Bà xác định thửa đất tại khu Núi To, thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang là của bà, bà M và ông Lđòi đất của bà là vô căn cứ.

Chồng của bà tên Vương Văn L1 đã mất vào năm 2014. Vợ chồng bà có 01 con chung là Vương Minh Tiến, sinh ngày 21/6/2000. Năm 1993 – 1994, khi vợ chồng tôi khai hoang thửa đất tại khu Núi To, thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang thì con chưa sinh ra và đến giờ do con còn nhỏ và đi học nên cũng không tham gia chăm sóc, thu hoạch tại thửa đất đó. Vì vậy bà đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ng không cho con trai bà tham gia vụ án với tư cách tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nay cơ quan chuyên môn về thẩm định, xác định 480 cây thông có đường kính gốc 13cm - 20 cm, 30 cây keo có đường kính 13cm - 20cm, 40 cây vải có đường kính tán lá 2,5m đến 3m do bà trồng nằm hoàn toàn trong sơ đồ đất lâm nghiệp của bà Lãnh Thị Mvà có diện tích là 6512m^2 . Nên bà M yêu cầu bà phải trả cho bà M diện tích đất rừng là 6512m^2 như cơ quan chuyên môn xác định thì bà không nhất trí. Vì bà xác định bà được canh tác thửa đất bà M đang kiện đòi từ năm 1993 đến nay, không có việc bà được mượn đất của bà M để canh tác.

Việc bà M đề nghị cấp giấy chứng nhận phần đất rừng bao gồm cả diện tích bà đã canh tác từ trước bà hoàn toàn không biết. Nên năm 2013, theo chủ trương của Nhà nước, các gia đình có các thửa đất khai hoang chưa được đăng ký quyền sử dụng đất thì đi làm sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà đã làm xong tất cả các thủ tục, hiện tại chỉ chờ nhận sổ. Vì vậy, bà không đồng ý yêu cầu khởi

kiện của bà M đối với bà, bà không trả diện tích 6512m^2 đất rừng tại khu Núi To, thôn Thảo, xã Biển Đ cho bà M, ông Lâm.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn do ông Phạm Hồng L1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/10/1999, Hộ bà Lãnh Thị M được UBND huyện Lục Ng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sổ vào sổ 01370 QSDĐ/ 404 QĐ - UB (H); Diện tích cấp 20.000m ^{2}; mục đích sử dụng: rừng sản xuất; thời hạn sử dụng đến tháng 12/2047; địa chỉ thửa đất tại Thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất nêu trên được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 346/1998/TT - TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên đây là quan điểm của UBND huyện Lục Ng về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà **Lãnh Thị M**, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của pháp luật.

**** Tại biên bản xác minh ngày 23/11/2018 với bà Ngô Thị Thúy Nh - Nguyên là cán bộ lâm trường huyện Lục Ng, kiêm cán bộ hiện trường dự án Việt Đức đã cung cấp:***

Theo dự án trồng rừng Việt Đức, các hộ tham gia dự án được tài trợ toàn bộ phân, cây giống, sau khi cây lớn, trưởng thành thì gia đình được tự thu hoạch. Yêu cầu cho dự án này là các hộ đều phải có sổ giao đất. Hộ bà Lãnh Thị Mcũng được tài trợ phân và cây giống do đã được giao đất lâm nghiệp theo Nghị định 02/CP năm 1997. Theo đó người có tên trong sổ sẽ ra thôn Thảo xã Biển Đ để nhận phân và cây giống về và dự án chỉ cấp cho chủ hộ có tên trong sỏ đất tham gia dự án được nhận và ký kết giao nhận chứ không để người khác nhận hộ.

**** Tại biên bản xác minh ngày 16 /5 /2019 với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Lục Ng về thời điểm tốt nhất thu hoạch keo, thông trên địa bàn huyện Lục Ng, Công ty Lâm nghiệp đã cung cấp:***

Đối với cây keo lai hom các dòng thì thời điểm thu hoạch tốt nhất là khi cây đạt 8 năm tuổi.

Đối với cây keo hạt, keo lõi vàng lấy gỗ thì thời điểm thu hoạch khi cây đạt từ 12 năm tuổi trở lên.

Đối với cây thông thì thời điểm thu hoạch tối thiểu là khi cây đạt 20 năm tuổi. Ngoài ra đối với cây keo lá chàm (lá nhỏ) thì thời điểm thu hoạch tốt nhất khi cây đạt từ 15 năm tuổi trở lên.

* Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/9/2018, cơ quan chuyên môn xác định diện tích đất rừng tên hộ bà Lãnh Thị M tại lô i3 khoảnh 2 diện tích 20.000m^2 được xác định bởi các tọa độ từ điểm 01 đến 06.

Diện tích đất bà M kiện đòi được xác định chính xác bởi các điểm 01 - 2 có chiều dài 20,5m; 2 - 3 dài 124,7m; 3-4dài 22,1m;4-5 dài 130,1m; 5-6 dài 33,5m; 6-1 dài là 72,5m (có sơ đồ kèm theo) diện tích là 6512m^2. Phần đất này nằm hoàn toàn trong phần đất lâm nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận tên hộ bà Lãnh Thị M. Trên đất bà Lãnh Thị H đã trồng 480 cây thông có đường kính gốc 13- 20cm, 30 cây keo có đường kính gốc 13-20cm, 40 cây vải có đường kính tán lá 2,5 đến 3m.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 14/9/2018, Hội đồng định giá đã kết luận:

6512 m^2 đất rừng theo Quyết định bản giá đất của tỉnh Bắc Giang trị giá 45.584.000đồng, Gía thực tế huyển nhượng tại địa phương không có.

480 cây thông có đường kính gốc 13- 20cmtrị giá 42.240.000đồng.

30 cây keo có đường kính gốc 13-20cmtrị giá 2.640.000đồng.

40 cây vải có đường kính tán lá 2,5 đến 3mtrị giá 12.000.000đồng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Hộ bà Lãnh Thị Mđã nhận thửa đất rừng trên theo dự án 327 năm 1994, năm 1997 được giao đất lâm nghiệp theo Nghị định 02/CP. Năm 1998 được tài trợ toàn bộ phân, cây giống đểtrồng rừng theo dự án Việt Đức. Tháng 10 năm 1999 bà M đã được cấpgiấy đăng kí quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Lãnh Thị Msố sổ P654067 cấp ngày 12/10/1999 có diện tích là 20.000 m^2 tại lô i3, khoảnh 2 với mục đích sử dụng là rừng tái sinh. Như vậy xác định nguồn gốc sử dụng thửa đất rừng trên của bà Lãnh Thị Mlà đúng và rõ ràng. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà M đã được cơ quan chuyên môn (UBND huyện Lục Ng) xác định là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng và có căn cứ, việc sử dụng đất của bị đơn (bà H) là không có căn cứ chứng minh. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 29/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Lục Ng đã quyết định:

- Áp dụng Điều 165; Điều 166; Điều 256, Điều 265 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 203, Điều 147;Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lãnh Thị M và ông Lê Hữu Lđối với bà Lãnh Thị H về việc kiện đòi 6512m^2 đất rừng tại lô i3 khoảnh 2 tại thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận diện tích 6512m^2 đất rừng tại thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang nằm hoàn toàn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 01370 QSDĐ/ 404 QĐ – UB (H); Diện tích cấp 20.000m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Lãnh Thị Mvà ông Lê Hữu Lâm.

2. Buộc bà Lãnh Thị H phải trả lại cho vợ chồng bà Lãnh Thị Mvà ông Lê Hữu L6512m^2 đất rừng tại lô i3 khoảnh 2 tại thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất có số vào sổ 01370 QSDĐ/ 404 QĐ – UB (H); Diện tích cấp 20.000m ^{2} ; mục đích sử dụng: rừng sản xuất; thời hạn sử dụng đến tháng 12/2047; địa chỉ thửa đất tại Thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng Phần đất này nằm hoàn toàn trong giấy chứng nhận tên hộ bà Lãnh Thị Mcó các cạnh như sau:

01 - 2 có chiều dài 20,5m; 2 - 3 dài 124,7m; 3-4dài 22,1m;4-5 dài 130,1m; 5-6 dài 33,5m; 6- 1 dài là 72,5m (có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Lãnh Thị H phải khai thác toàn bộ 30 cây keo, 480 cây thông để trả lại đất cho bà Lãnh Thị Mvà ông Lê Hữu Lsử dụng.

Bà Lãnh Thị Mvà ông Lê Hữu Lphải trả cho bà Lãnh Thị H giá trị 40 cây vải là 12.000.000đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí,chi phí định giá tài sản, thẩm định giá vàquyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 04/9/2019, bị đơn là bà Lãnh Thị H có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số:10/2019/DS-ST ngày 29/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Lục Ng.

Tại phiên Toà phúc thẩm, nguyên đơn là bà Lãnh Thị Mvẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Lãnh Thị H không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Bà Lãnh Thị Mvà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H. Đề nghị buộc bà H phải trả lại cho bà diện tích 6512m^2 vì đây là diện tích đất của bà khai hoang đã được kiểm lâm giao và được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hộ bà M đã nhận thửa đất trên theo dự án 327 năm 1994, năm 1997 thì được giao đất lâm nghiệp theo Nghị định 02/CP, nên việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ điều kiện chứng minh việc đòi đất của bà M là có căn cứ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý, chứng minh quyền sử dụng đất của bà M. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H.

* Bà Lãnh Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H thống nhất trình bày: Án sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của bà M và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là không đúng. Bà là người khai thác, sử dụng đất từ năm 1993, việc sự dụng đất được xác nhận của những hộ liền kề và Ủy ban nhân dân xã. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M cấp sau khi bà H sử dụng đất từ năm 1993 là sau 6 năm. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đúng trình tự thủ tục. Bà M cho rằng cho bà H mượn nhưng không có tài liệu chứng cứ gì về việc cho mượn đất nên đề nghị xem xét yêu cầu kháng cáo của bà H. Bà H không đồng ý với tòa bộ nội dung của bản án sơ thẩm. Bản án sơ thẩm

căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà M để buộc bà H trả đất là không có căn cứ, bà H thừa nhận không sử dụng một ngày nào với thửa đất trên. Chính quyền địa phương cũng xác nhận bà H là người sử dụng thửa đất này, trên đất vẫn tồn tại cây cối bà H trồng. Bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015 là hoàn toàn phù hợp đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại đất của bà M.

* Ông Khuất Văn M, bà Thân Thị Y trình bày: ông, bà là hai hộ liền kề của thửa đất đang tranh chấp. Từ khi canh tác đến nay ông, bà chỉ thấy vợ chồng bà H canh tác trên thửa đất này, không khi nào thấy bà M canh tác.

* Bà Lãnh Thị Th trình bày: Bà cùng bà H mượn đất của bà M, đến năm 2015 bà đã thu hoạch hết cây để trả lại đất cho bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự xử: chấp nhận kháng cáo của bà Lãnh Thị H, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Lục Ng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện Lục Ng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bà Lãnh Thị H đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tố tụng: Tại cấp sơ thẩm bà H khai toàn bộ cây trên diện tích đất tranh chấp là do bà và chồng là ông Vương Văn L1 khai hoang canh tác từ năm 1993. Đến năm 2014 ông L1 chết. Vợ chồng bà có một con chung là Vương Minh T sinh ngày 21/6/2000 nhưng khi khai hoang thửa đất anh Tcòn nhỏ và đi học nên không tham gia chăm sóc, thu hoạch trên thửa đất này. Bà H đề nghị không đưa anh Tvào tham gia tố tụng và không cung cấp cho Tòa án địa chỉ của anh Tnên Tòa án không đưa anh T vào tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Án sơ thẩm xác định bà M có tên trong danh sách được giao đất lâm nghiệp và đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Ng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà H không có ý kiến gì về việc bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà M, buộc bà H phải trả cho bà M 6512m^2 đất lâm nghiệp.

Tại cấp sơ thẩm Ủy ban nhân dân huyện Lục Ng trình bày việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là đúng trình tự thủ tục. Ủy ban nhân dân xã Biển Đ xác nhận thửa đất là do bà H canh tác từ năm 1993, nhưng không cung cấp được tài liệu về việc bà H đã kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại cấp phúc thẩm, sau khi tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ và Ủy ban nhân dân xã Biển Đ đã tìm và cung cấp cho Tòa án hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông L1 trong đó bà H là người kê khai phần diện tích khai hoang và được Ủy ban nhân dân huyện Lục Ng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lãnh Thị H, ông Vương Văn L1 tại thửa số 275, tờ bản đồ số 2, với diện tích là 1088,5m^2, địa chỉ: Khu Núi To, thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang, số vào sổ cấp GCN: CH001277, ngày 23/4/2015. Ủy ban nhân dân xã xác định diện tích đất cấp cho bà H, ông L1 chính là diện tích đất ông bà đang trồng cây lâm nghiệp mà bà M đang khởi kiện. Tòa án đã có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Lục Ng giải thích, nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, cần phải xem xét tính hợp pháp của cả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà M và gia đình bà H, nếu không xem xét tính hợp pháp của hai quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì không giải quyết được vụ án, trong khi đó cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, chưa xem xét hòa giải, đánh giá tính hợp pháp đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Mặt khác, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 817/QĐ-UBND ngày 23/4/2015cấp cho hộ bà Lãnh Thị H, ông Vương Văn L1; diện tích cấp 10888,5m^2, thửa đất số 275, tờ bản đồ số 2; loại đất: rừng sản xuất; thời hạn sử dụng đến tháng 6/2064; địa chỉ thửa đất: Khu Núi to, thôn Thảo, xã Biển Đ, huyện Lục Ng. Nhưng ông L1 đã chết từ năm 2014, trước thời điểm tòa án thụ lý vụ án, nên cần phải đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 và tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Để đảm bảo hai cấp xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Lục Ng giải quyết lại.

[3]. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Lãnh Thị Hương, hủy bản án sơ thẩm đã xử, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do hủy án nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được xác định lại khi Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên bà M, bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Lãnh Thị M 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 299, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Lãnh Thị H xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng xét xử về "tranh chấp đòi quyền sử dụng đất" giữa bà Lãnh Thị M, ông Lê Hữu L và bà Lãnh Thị H.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả bà Lãnh Thị H số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số AA/2018/0005703 ngày 18/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Lục Ng;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lục Ng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hà Văn Nâu Phạm Thị Minh Hiền	**Trần Thị Hà**